

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ NHỮNG BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

*ThS. NGUYỄN NGỌC BÍCH**

Xử phạt vi phạm hành chính là hoạt động cưỡng chế thể hiện thái độ của Nhà nước đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức có vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt sẽ là người thay mặt Nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước quyết định áp dụng biện pháp xử phạt thích hợp với chủ thể một vi phạm trên thực tế. Vì thế, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là một trong những nội dung quan trọng của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính. Các quy định của pháp luật về vấn đề này ngoài việc là cơ sở pháp lý để xác định những cơ quan, cá nhân nào có thẩm quyền xử phạt còn có ý nghĩa quyết định trong việc tạo ra cơ chế thích hợp để xem xét, giải quyết từng vụ việc xảy ra trên thực tế. Tức là, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải được đặt trong mối quan hệ không tách rời giữa hành vi vi phạm - biện pháp xử phạt thích hợp có thể áp dụng với cá nhân, cơ quan, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm đó - thẩm quyền xử phạt và thủ tục xử phạt.

Mặc dù vi phạm hành chính có mức độ nguy hiểm cho xã hội không cao như tội phạm song nó diễn ra thường xuyên trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nên việc xác định một cách hợp lý những chủ thể có thẩm quyền xử phạt sẽ vừa đảm bảo xử lý nhanh chóng, kịp thời, không bỏ lọt vi phạm

vừa không tạo ra sự tùy tiện trong xử phạt vi phạm hành chính. Muốn vậy, cơ quan xây dựng pháp luật phải dự liệu ở đâu, khi nào có thể xảy ra vi phạm hành chính và lúc đó, chỗ đó cơ quan, cá nhân nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Hiện nay, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tập trung trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính⁽¹⁾ và các nghị định của Chính phủ cụ thể hóa thẩm quyền xử phạt trên các lĩnh vực quản lý chuyên ngành. Theo đó, không có một hoặc một loại cơ quan riêng được thành lập để tiến hành việc xử phạt vi phạm hành chính mà thẩm quyền xử phạt chủ yếu thuộc về các cơ quan quản lý hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương và được xác định cụ thể cho các chức danh trong từng cơ quan đó. Mặt khác, một số chức danh trong các cơ quan tư pháp và thi hành án cũng có thẩm quyền xử phạt như thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chấp hành viên, đội trưởng và trưởng phòng thi hành án dân sự. Với các chủ thể trong cơ quan quản lý hành chính nhà nước, thẩm quyền xử phạt được xác định dựa trên nguyên tắc: Chủ tịch ủy ban nhân dân là người có thẩm quyền xử phạt trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương; người có

* Giảng viên Khoa hành chính - nhà nước
Trường Đại học Luật Hà Nội

thẩm quyền trong các cơ quan chuyên môn như hải quan, kiểm lâm, thuế vụ, thanh tra chuyên ngành, lực lượng cảnh sát... có thẩm quyền xử phạt với những vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lí.

Pháp luật hiện hành đã quy định tương đối đầy đủ các chức danh có thẩm quyền xử phạt trong các cơ quan quản lí khác nhau, đảm bảo không một vi phạm hành chính nào xảy ra lại không bị xử phạt bởi chủ thể có thẩm quyền. Tuy nhiên, theo chúng tôi, các quy định về thẩm quyền xử phạt trong pháp luật hiện hành mà cụ thể là trong Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính còn bộc lộ những hạn chế sau đây:

Thứ nhất, Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính đã quy định bằng cách liệt kê các chức danh có thẩm quyền xử phạt và với mỗi chức danh cụ thể Pháp lệnh quy định rõ hình thức, mức xử phạt và những biện pháp cưỡng chế khác mà chủ thể đó được áp dụng trong khi xử phạt vi phạm hành chính. Theo cách quy định này, những chức danh nào được chỉ rõ trong Pháp lệnh mới có thẩm quyền xử phạt. Cách quy định này có điểm tích cực là giúp cho việc xác định các chủ thể có thẩm quyền một cách rõ ràng, đơn giản nhưng lại không linh hoạt để theo kịp với những thay đổi về tổ chức trong các cơ quan quản lí và thực tiễn của công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính.

Thực tiễn quản lí cho thấy có những đơn vị thuộc cơ quan nhà nước thành lập hoặc chức danh trong cơ quan quản lí nhà nước được quyết định sau thời điểm ban hành (hoặc sửa đổi) Pháp lệnh xử lí vi phạm hành

chính nên không được Pháp lệnh quy định thẩm quyền xử phạt. Các chủ thể này đương nhiên không có thẩm quyền xử phạt mặc dù do hoạt động đặc thù họ có thể là người trực tiếp phát hiện các vi phạm hành chính. Cũng có những lĩnh vực quản lí vào thời điểm Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính được ban hành thì các vi phạm hành chính mới xuất hiện lẻ tẻ nên việc giới hạn thẩm quyền cho một hoặc một số cơ quan quản lí là hợp lí nhưng sau đó các vi phạm này gia tăng với tốc độ rất nhanh nếu không mở rộng phạm vi thẩm quyền thì không thể xử lí kịp thời, trong khi việc sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính lại là một quá trình phức tạp và kéo dài. *Ví dụ*: Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính năm 1995 chưa quy định thẩm quyền xử phạt cho lực lượng cảnh sát biển, giám đốc cảng vụ hàng hải, cảng vụ thủy nội địa, cảng hàng không (trong đó lực lượng cảnh sát biển được thành lập sau khi Pháp lệnh năm 1995 được ban hành). Điều này đã được phát hiện sau khi triển khai thực hiện Pháp lệnh năm 1995 nhưng phải đợi đến năm 2002 khi Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính mới được ban hành thì thiếu sót này mới được khắc phục. Tương tự như vậy, Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính hiện hành (Pháp lệnh năm 2002) không quy định thẩm quyền xử phạt của cá nhân đứng đầu các cơ quan thuộc bộ như cục trưởng Cục bảo vệ thực vật, Cục thú y (thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn), cục vệ sinh, an toàn thực phẩm (thuộc Bộ y tế), Cục phòng chống tệ nạn xã hội (thuộc Bộ lao động - thương binh và xã hội) và gần đây

nhất là Cục cảnh sát bảo vệ môi trường (thuộc Tổng cục cảnh sát nhân dân, Bộ công an) mặc dù các cục và tổng cục "*được tổ chức để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành*",⁽²⁾ thể hiện sự phân cấp mạnh mẽ trong quản lý hành chính. Hơn nữa, nhiệm vụ quản lý của các cục, tổng cục này liên quan đến những vấn đề có tính thời sự thu hút được sự quan tâm của Nhà nước và toàn xã hội, thậm chí đây còn là những vấn đề có tính toàn cầu. Việc xử phạt các vi phạm hành chính có liên quan một cách nhanh chóng, kịp thời không chỉ có tính trấn áp, giáo dục, phòng ngừa mạnh mẽ mà còn tạo ra sự ổn định về trật tự xã hội.

Để khắc phục thiếu sót này, chúng tôi cho rằng ngoài việc bổ sung hợp lý những chức danh trong các cục, tổng cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền xử phạt thì Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính cũng cần có quy định mở để Chính phủ có thể quy định về thẩm quyền xử phạt trong các nghị định quy định về vi phạm và xử phạt vi phạm trong các lĩnh vực quản lý hành chính chuyên ngành. Với nguyên tắc thẩm quyền của các chức danh do Chính phủ quy định sẽ được xác định tương đương với thẩm quyền của các chức danh trong các cơ quan quản lý cùng loại đã được Pháp lệnh quy định.

Thứ hai, những hạn chế về thẩm quyền xử phạt của người trực tiếp thi hành công vụ, nhiệm vụ. *Trước hết*, những hạn chế này thể hiện ở thẩm quyền áp dụng mức phạt tiền của người trực tiếp thi hành công vụ, nhiệm vụ còn quá thấp. Hiện nay, những người trực tiếp thi hành công vụ, nhiệm vụ như chiến sĩ

công an nhân dân, bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, nhân viên thuế vụ chỉ được phạt tiền đến 100.000 đồng, đội trưởng của những người này cũng chỉ có thẩm quyền phạt tiền đến 200.000 đồng, còn chiến sĩ cảnh sát biển, kiểm soát viên thị trường, thanh tra viên chuyên ngành được phạt đến 200.000 đồng.⁽³⁾ Mức phạt tiền này căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt được pháp luật quy định đối với hành vi vi phạm, không phải là mức phạt mà người thi hành công vụ, nhiệm vụ quyết định đối với từng vi phạm xảy ra trên thực tế. Các quy định này không đảm bảo cho người trực tiếp thi hành công vụ có thể xử phạt được các vi phạm hành chính xảy ra trong chính ngành, lĩnh vực, địa bàn mà họ là người quản lý ngay cả với những hành vi vi phạm rất rõ ràng. Bên cạnh đó, nghị định quy định về xử phạt vi phạm trong các lĩnh vực quản lý chuyên ngành thường có xu hướng ngày càng tăng cao mức phạt tiền nên đã biến các quy định về thẩm quyền xử phạt của những người trực tiếp thi hành công vụ, nhiệm vụ trở nên vô nghĩa. Chúng tôi xin nêu một số ví dụ cụ thể, theo Điều 20 Nghị định của Chính phủ số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hành vi vi phạm các quy định quản lý, bảo vệ đường biên giới, cột mốc, dấu hiệu biên giới quốc gia có mức phạt tiền thấp nhất là 500.000 đồng, mức phạt này không thuộc thẩm quyền của chiến sĩ bộ đội biên phòng và đội trưởng của họ. Do vậy, trong khi tuần tra nếu phát hiện có vi phạm thì họ chỉ lập

biên bản vụ việc rồi chuyển đến đồn trưởng đồn biên phòng để ra quyết định xử phạt. Cùng với những trở ngại do địa hình đi lại khó khăn các quy định này của pháp luật là nguyên nhân cản trở hoạt động xử phạt của lực lượng bộ đội biên phòng. Trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, chiến sĩ cảnh sát giao thông cũng không có thẩm quyền xử phạt với những hành vi vi phạm nếu người vi phạm điều khiển phương tiện là ô tô, trong khi đây là phương tiện giao thông đang và sẽ ngày càng được nhiều người sử dụng. Hai là, nếu xem xét thẩm quyền trong mối quan hệ với thủ tục xử phạt thì các quy định của pháp luật hiện hành cũng không thống nhất. Điều 54 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định: "*Trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000 đồng đến 100.000 đồng thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt tại chỗ*".⁽⁴⁾ Quy định này được hiểu từ 5.000 đồng đến 100.000 đồng là mức phạt với chủ thể vi phạm cụ thể không căn cứ vào mức tiền phạt tối đa quy định cho hành vi vi phạm. Với những vi phạm mà mức tiền phạt tối đa quy định với hành vi đó cao hơn thẩm quyền của những người trực tiếp thi hành công vụ, nhiệm vụ thì họ buộc phải lập biên bản để chuyển vụ việc vi phạm đó cho cấp trên xử lý mặc dù có thể trên thực tế chủ thể vi phạm chỉ bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng. Như vậy, mục đích việc quy định về thủ tục đơn giản là đảm bảo nhanh gọn không đạt được.

Ngoài ra, để bảo đảm cho người tiến hành xử phạt giải quyết toàn diện, triệt để một vi phạm xảy ra trên thực tế, chúng tôi

cho rằng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính không chỉ là thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt mà còn phải đặt trong mối quan hệ với thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết khác trong xử phạt vi phạm hành chính. Nhưng hiện nay, ngoài hai hình thức phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền, các chức danh trực tiếp thi hành công vụ, nhiệm vụ không có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.⁽⁵⁾ Vì thế, mặc dù hành vi vi phạm là vi phạm nhỏ, mức phạt tiền được quy định nằm trong phạm vi thẩm quyền của những người đang trực tiếp thi hành công vụ nhưng nếu có tang vật, phương tiện cần tịch thu hoặc cần áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra thì người trực tiếp thi hành công vụ đều phải chuyển vụ việc đến người khác có thẩm quyền để xử phạt.

Thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính cho thấy chính vì phải giải quyết quá nhiều vi phạm do cấp dưới chuyển lên trong khi người có thẩm quyền xử phạt lại chỉ biết về vi phạm qua giấy tờ, tài liệu nên đã làm giảm độ chính xác, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính. Một hệ quả tất yếu nữa là nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt có khiếu nại thì việc giải quyết cũng vì thế mà vòng vèo, kéo dài không cần thiết. Xử phạt không kịp thời cũng làm mất thời gian và chi phí đi lại của cá nhân, tổ chức bị xử phạt.

Chúng tôi cho rằng việc quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải thể hiện sự phân công, phân cấp trong

quản lý hành chính nhà nước. Với mô hình tổ chức bộ máy quản lý hành chính theo hình chóp, tức là càng lên cao các cơ quan càng thu gọn lại thì cần thiết phải tăng thẩm quyền xử phạt cho cấp dưới, cho người trực tiếp thi hành công vụ, nhiệm vụ đồng thời tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên.

Thứ ba, những bất hợp lý trong các quy định về thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành. Trong khi các vi phạm hành chính trên các lĩnh vực quản lý rất khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm và vì thế mức phạt mà pháp luật quy định với các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực cũng không như nhau nhưng thẩm quyền xử phạt của các chức danh thanh tra viên chuyên ngành trong tất cả các ngành, lĩnh vực đều giống nhau. Có những lĩnh vực quản lý do tính chất đặc thù mà các hành vi vi phạm có mức xử phạt rất cao, trong khi đó thẩm quyền của thanh tra viên chuyên ngành lại hạn chế như chúng tôi đã phân tích ở phần trên của bài viết. Nhiều lĩnh vực quản lý thanh tra viên chuyên ngành trong lĩnh vực đó không có thẩm quyền xử phạt với bất kì hành vi vi phạm nào hoặc chỉ có thẩm quyền xử phạt với một hoặc một vài nhóm hành vi vi phạm nhất định. *Ví dụ*, Nghị định của Chính phủ số 145/2006/NĐ-CP ngày 30/11/2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, mức phạt tiền thấp nhất được quy định là từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, cao hơn mức phạt tiền thuộc thẩm quyền của thanh tra viên công nghiệp; Nghị định của Chính phủ số 106/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006

quy định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp mức phạt tiền thấp nhất là từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng (hành vi cản trở bất hợp pháp hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra về sở hữu công nghiệp) cũng cao hơn thẩm quyền phạt tiền của thanh tra viên chuyên ngành sở hữu công nghiệp; thanh tra viên chuyên ngành văn hoá thông tin chỉ có thẩm quyền xử phạt duy nhất với các hành vi vi phạm về quảng cáo như dán áp phích, tờ rơi không đúng quy định, mức phạt tiền từ 50.000 đến 100.000 đồng, theo quy định của Nghị định của Chính phủ số 56/2006/NĐ-CP ngày 6/6/2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá - thông tin...

Điều này cũng không phù hợp với quy định của Luật thanh tra là hoạt động thanh tra chuyên ngành có thể được tiến hành bởi một thanh tra viên và trên thực tế các thanh tra viên chuyên ngành cũng thường tiến hành hoạt động thanh tra một cách độc lập. Để giải quyết tình trạng này, chúng tôi cho rằng cần tăng thẩm quyền xử phạt của thanh tra viên chuyên ngành nhưng không tăng đều trên tất cả các lĩnh vực của quản lý nhà nước. Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính có thể quy định mức tiền phạt tối đa cho các chức danh thanh tra viên trong cơ quan thanh tra chuyên ngành phù hợp với mức tiền phạt tối đa đã được ấn định với vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý tương ứng theo Điều 14 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định về phạt tiền.

Trong quy định của Luật thanh tra về các cơ quan thanh tra được thành lập ở các cơ

quan quản lí theo ngành, lĩnh vực (cơ quan thanh tra chuyên ngành) không có quy định về tổ chức thanh tra trong các cơ quan thuộc bộ, cơ quan ngang bộ⁽⁶⁾ (như trong các cục, tổng cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ) nhưng trong cơ cấu tổ chức của các cục, tổng cục hiện nay vẫn thành lập tổ chức thanh tra với mục đích thực hiện sự phân công, phân cấp trong hoạt động quản lí cũng như trong công tác thanh tra giữa các cơ quan thuộc bộ. Vì vậy, vấn đề đặt ra là các tổ chức thanh tra này có được coi là cơ quan thanh tra chuyên ngành hay không và có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hay không?

Theo đúng tinh thần của Luật thanh tra thì các tổ chức này không được hiểu là cơ quan thanh tra chuyên ngành và đương nhiên các chức danh trong tổ chức thanh tra này không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Nhưng trong các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực những tổ chức này vẫn được hiểu như là cơ quan thanh tra chuyên ngành, có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Ví dụ, thẩm quyền xử phạt của thanh tra viên chuyên ngành sở hữu công nghiệp thuộc Cục sở hữu trí tuệ Bộ khoa học và công nghệ theo Nghị định của Chính phủ số 106/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 quy định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp.

Chúng tôi cho rằng các tổ chức thanh tra trong các cục, tổng cục thuộc bộ tồn tại như một cơ quan thanh tra chuyên ngành là phù hợp với thực tiễn của quản lí hành chính nhưng cần thiết phải xác định rõ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính các tổ chức

thanh tra này, không thể quy định thẩm quyền xử phạt của các tổ chức thanh tra này ngang với thanh tra bộ như quy định của một số nghị định hiện nay.

Thứ tư, những bất hợp lí liên quan đến thẩm quyền quyết định hình thức xử phạt trực xuất. Trực xuất là hình thức xử phạt mới được quy định trong Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính năm 2002, đây là hình thức xử phạt chỉ áp dụng với người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trực xuất được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.

Thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất thuộc về bộ trưởng Bộ công an.⁽⁷⁾ Ngoài trực xuất, bộ trưởng Bộ công an không có thẩm quyền quyết định áp dụng bất kì một biện pháp cưỡng chế hành chính nào được quy định trong Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính. Trong trường hợp xử phạt vi phạm hành chính với người nước ngoài mà biện pháp cưỡng chế duy nhất cần áp dụng là trực xuất (trường hợp này trực xuất là hình thức xử phạt chính) thì các cơ quan có liên quan chỉ cần tiến hành các thủ tục cần thiết để đề nghị bộ trưởng Bộ công an quyết định theo quy định của pháp luật.⁽⁸⁾ Với những vụ việc trực xuất là hình thức xử phạt bổ sung đi kèm với hình thức phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền hoặc trong trường hợp cần áp dụng hình thức xử phạt bổ sung khác như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu tang vật,

phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính hoặc cần khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra thì không thể xác định được những biện pháp cưỡng chế này sẽ do ai có thẩm quyền quyết định. Vì về nguyên tắc, hình thức xử phạt bổ sung phải được quyết định kèm theo hình thức xử phạt chính, các biện pháp khắc phục hậu quả quyết định kèm theo các hình thức xử phạt, trừ trường hợp thời hiệu, thời hạn xử phạt vi phạm hành chính đã hết.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng không thể quy định thẩm quyền quyết định áp dụng những biện pháp cưỡng chế này cho bộ trưởng Bộ công an cùng với hình thức trực xuất vì thủ tục trực xuất rất phức tạp không phù hợp với việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó. Hơn nữa, để hạn chế tối đa những hậu quả xấu cho xã hội do hành vi vi phạm hành chính của người nước ngoài gây ra thì việc quyết định áp dụng những biện pháp cưỡng chế này cần phải đảm bảo thật nhanh chóng, kịp thời. Vì vậy, hợp lý hơn cả là những người có thẩm quyền được quy định trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính sẽ quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế này với người nước ngoài như đối với công dân Việt Nam. Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính cần thiết phải bổ sung quy định: "Khi xử phạt vi phạm hành chính với cá nhân nước ngoài thì người có thẩm quyền xử phạt như đối với công dân Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác. Nếu thấy đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt trực xuất thì đề

ngợi bộ trưởng Bộ công an quyết định theo quy định của pháp luật".

Trên đây là một số ý kiến về những hạn chế của pháp luật trong quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Những hạn chế này đã gây ùn tắc trong việc xử phạt và làm cho hiệu quả của xử phạt không cao. Chúng ta đang trong quá trình pháp điển hóa để xây dựng luật hoặc bộ luật về xử lý vi phạm hành chính với mục đích tạo ra cơ chế pháp luật có hiệu lực và hiệu quả cao trong xử phạt vi phạm hành chính. Vì thế, những bất cập và những đề xuất khắc phục nêu trên nếu được xem xét đầy đủ sẽ góp phần làm cho các quy định của pháp luật khách quan, khoa học và hoàn thiện hơn./.

(1).Xem: Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 2/7/2002 có hiệu lực thi hành ngày 1/10/2002.

(2).Xem: Nghị định số 86/2002/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

(3).Xem: Các điều 31, 32, 33, 35, 36, 37, 38 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

(4).Xem: Điều 54 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

(5). Theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính: Thanh tra viên chuyên ngành có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị đến 2.000.000 đồng và được áp dụng một số biện pháp khắc phục hậu quả, các chức danh khác như chiến sĩ công an nhân dân, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, kiểm lâm viên, kiểm soát viên thị trường, nhân viên thuế vụ và đội trưởng của những người này chỉ có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt chính (xem các điều 31, 32, 33, 35, 36, 37, 38 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính).

(6).Xem: Điều 23 Luật thanh tra.

(7).Xem: Điều 31 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

(8).Xem: Nghị định số 97/2006/NĐ-CP ngày 15/9/2006 của Chính phủ quy định việc áp dụng hình thức xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính.